UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** Số: 4649/QĐ-UBND	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Chí Linh, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo đối với Giáo viên ngành Giáo dục-Đào tạo

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo;

Theođề nghị của Phòng Giáo dục đào tạo thành phố Chí Linh tại Tờ trình số 818/TTr-GDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt phụ cấp thâm niên nhà giáo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo đối với giáo viên các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023. Danh sách gồm 407 người, trong đó:

- Mầm non: 06 Phó hiệu trưởng và 193 giáo viên;
- Tiểu học: 03 Phó hiệu trưởng và 132 giáo viên;
- Trung học cơ sở: 05 Phó hiệu trưởng và 46 giáo viên.
- Tiểu học và Trung học cơ sở: 01 Phó hiệu trưởng và 21 giáo viên.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hiệu trưởng các trường căn cứ danh sách giáo viên hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo đã được phê duyệt ra quyết định hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo cho từng giáo viên theo quy định hiện hành.

Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo do ngân sách nhà nước đảm bảo và giao trong dự toán ngân sách của các đơn vị.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục-Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Kiên

Được quét bằng CamScanner

UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH

DANH SÁCH PHÊ DUYỆT NHÀ GIÁO CẤP MẦM NON HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ

(Kèm theo Quyết định số 4649/QĐ-UBND ngày 29 /12/2023 của UBND thành phố Chí Linh)

TT	Đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh hiện nay	Tổng thời gian tham gia BHXH bắt buộc là nhà giáo (tính đến hết 30/11/2023)	Thời gian tập sự	Thời gian tính phụ cấp thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	MN Chí Minh	Nguyễn Thị The	03/06/1974	Giáo viên	20 năm 11 tháng	6 tháng	20 năm 5 tháng	20%	20% từ ngày 01/12/2023
2	MN Chí Minh	Nguyễn Thị Lan Liên	23/07/1983	Giáo viên	12 năm 10 tháng	6 tháng	12 năm 4 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
3	MN Chí Minh	Trần Thị Phượng	20/01/1970	Giáo viên	15 năm 8 tháng	6 tháng	15 năm 2 tháng	15%	15% từ ngày 01/12/2023
4	MN Chí Minh	Nguyễn Thị Thu Trang	20/11/1991	Giáo viên	10 năm 3 tháng	6 tháng	9 năm 9 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
5	MN Chí Minh	Nguyễn Thị Nhung	17/04/1990	Giáo viên	12 năm 8 tháng	6 tháng	12 năm 2 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
6	MN Chí Minh	Nguyễn Thị Nghĩa	13/09/1981	Giáo viên	7 năm 8 tháng	6 tháng	7 năm 2 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
7	MN Chí Minh	Nguyễn Thị Hà	20/10/1988	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
8	MN Chí Minh	Nguyễn Huyền Trang	22/10/1987	Giáo viên	6 năm	6 tháng	5 năm 6 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
9	MN Cổ Thành	Lê Thị Thanh Hằng	29/05/1983	Giáo viên	14 năm 11 tháng	6 tháng	14 năm 5 tháng	14%	14% từ ngày 01/12/2023
10	MN Cổ Thành	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	13/04/1990	Giáo viên	12 năm 3 tháng	6 tháng	11 năm 9 tháng	11%	11% từ ngày 01/12/2023
11	MN Cổ Thành	Bùi Thị Hà	20/09/1987	Giáo viên	8 năm 3 tháng	6 tháng	7 năm 9 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
12	MN Cổ Thành	Đào Thị Hiên	22/02/1993	Giáo viên	8 năm 3 tháng	6 tháng	7 năm 9 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
13	MN Cổ Thành	Trần Thị Hậu	10/11/1988	Giáo viên	9 năm 7 tháng	9 tháng	8 năm 10 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
14	MN Cổ Thành	Phạm Thị Huế	14/09/1990	Giáo viên	6 năm 4 tháng	9 tháng	5 năm 7 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023

Được quét bằng CamScanner

TT	Đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh hiện nay	Tổng thời gian tham gia BHXH bắt buộc là nhà giáo (tính đến hết 30/11/2023)	Thời gian tập sự	Thời gian tính phụ cấp thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng	Ghi chú
15	MN Cổ Thành	Cao Thị Lan Phương	06/01/1994	Giáo viên	6 năm 3 tháng	6 tháng	5 năm 9 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
16	MN Cổ Thành	Đoàn Thị Ánh	10/10/1994	Giáo viên	6 năm 3 tháng	6 tháng	5 năm 9 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
17	MN Cổ Thành	Cao Thị Hằng	26/08/1993	Giáo viên	5 năm 11 tháng	9 tháng	5 năm 2 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
18	MN Văn Đức	Nguyễn Thị Luyên	02/05/1984	Giáo viên	10 năm 9 tháng	6 tháng	10 năm 3 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
19	MN Văn Đức	Nguyễn Thị Hà	09/06/1992	Giáo viên	9 năm 4 tháng	6 tháng	8 năm 10 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
20	MN Văn Đức	Nguyễn Thị Thảo	24/07/1991	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
21	MN Văn Đức	Nguyễn Thị Thu	06/08/1992	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
22	MN Văn Đức	Vũ Thị Huyền Trang	15/08/1989	Giáo viên	9 năm	6 tháng	8 năm 6 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
23	MN Văn Đức	Hoàng Thị Huệ	06/01/1991	Giáo viên	10 năm 9 tháng	6 tháng	10 năm 3 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
24	MN Văn Đức	Nguyễn Thị Thêu	09/10/1989	Giáo viên	10 năm 9 tháng	6 tháng	10 năm 3 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
25	MN Văn Đức	Nguyễn Thị Nam	06/03/1992	Giáo viên	8 năm 9 tháng	6 tháng	8 năm 3 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
26	MN Văn Đức	Nguyễn Thị Huế	18/04/1989	Giáo viên	11 năm 9 tháng	6 tháng	11 năm 3 tháng	11%	11% từ ngày 01/12/2023
27	MN Văn Đức	Cao Thị Nhâm	24/04/1990	Giáo viên	10 năm 11 tháng	6 tháng	10 năm 5 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
28	MN Văn Đức	Đồng Thị Hải Yến	25/01/1989	Giáo viên	10 năm 3 tháng	6 tháng	9 năm 9 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
29	MN Hoàng Tân	Nguyễn Thị Mây	10/08/1992	Giáo viên	09 năm 3 tháng	6 tháng	8 năm 9 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
30	MN Hoàng Tân	Nguyễn Thị Phương	31/03/1992	Giáo viên	09 năm 11 tháng	6 tháng	09 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
31	MN Hoàng Tân	Lê Huyền Thương	16/06/1991	Giáo viên	08 năm 3 tháng	6 tháng	07 năm 9 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
32	MN Hoàng Tân	Hoàng Thị Hồng	13/12/1991	Giáo viên	09 năm 11 tháng	6 tháng	09 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
33	MN Hoàng Tân	Nguyễn Thị Phượng	16/03/1988	Giáo viên	08 năm 9 tháng	9 tháng	8 năm	8%	8% từ ngày 01/12/2023
34	MN Hoàng Tân	Đặng Thị Hà	24/08/1982	Giáo viên	08 năm 9 tháng	9 tháng	8 năm	8%	8% từ ngày 01/12/2023

Được quét bằng CamScanner

TT	Đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh hiện nay	Tổng thời gian tham gia BHXH bắt buộc là nhà giáo (tính đến hết 30/11/2023)	Thời gian tập sự	Thời gian tính phụ cấp thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng	Ghi chú
35	MN Hoàng Tân	Trần Thị Quỳnh	26/10/1991	Giáo viên	10 năm 9 tháng	6 tháng	10 năm 3 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
36	MN Hoàng Tân	Dương Thị Phượng	03/05/1992	Giáo viên	09 năm 11 tháng	6 tháng	09 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
37	MN Hoàng Tân	Đoàn Thị Minh Nguyệt	03/08/1992	Giáo viên	10 năm 9 tháng	6 tháng	10 năm 3 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
38	MN Hoàng Tân	Phạm Thị Hằng	24/05/1988	Giáo viên	10 năm 9 tháng	6 tháng	10 năm 3 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
39	MN Hoàng Tân	Nguyễn Thị Dung	08/01/1996	Giáo viên	06 năm 11 tháng	6 tháng	06 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
40	MN Thái Học	Hoàng Thị Hường	19/02/1982	Giáo viên	10 năm 2 tháng	6 tháng	9 năm 6 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
41	MN Thái Học	Vũ Thị Thanh	27/02/1988	Giáo viên	11 năm 9 tháng	6 tháng	11 năm 3 tháng	11%	11% từ ngày 01/12/2023
42	MN Thái Học	Dương Thị Hồng Ánh	03/10/1993	Giáo viên	8 năm 7 tháng	9 tháng	7 năm 10 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
43	MN Thái Học	Nguyễn Thị Thu	24/9/1988	Giáo viên	13 năm 9 tháng	9 tháng	13 năm	13%	13% từ ngày 01/12/2023
44	MN Thái Học	Lương Thị My	14/02/1992	Giáo viên	6 năm 9 tháng	6 tháng	6 năm 3 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
45	MN Hưng Đạo	Trần Thị Loan	11/29/1993	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
46	MN Hưng Đạo	Nguyễn Thị Hương	22/02/1992	Giáo viên	9 năm 9 tháng	6 tháng	9 năm 3 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
47	MN Hưng Đạo	Phùng Thị Hà	14/8/1993	Giáo viên	8 năm 9 tháng	6 tháng	8 năm 3 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
48	MN Hưng Đạo	Phạm Thị Yến	30/8/1990	Giáo viên	6 năm 1 tháng	6 tháng	5 năm 7 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
49	MN Hưng Đạo	Vũ Thị Hồng	12/6/1989	Giáo viên	6 năm 7 tháng	9 tháng	5 năm 10 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
50	MN Hưng Đạo	Nguyễn Thị Quyên	16/12/1990	Giáo viên	9 năm 2 tháng	9 tháng	8 năm 5 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
51	MN Hoàng Tiến	Nguyễn Lê Hà	23/10/1990	Giáo viên	12 năm 11 tháng	6 tháng	12 năm 5 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
52	MN Hoàng Tiến	Hoàng Thị Uyên	28/08/1991	Giáo viên	8 năm 9 tháng	6 tháng	8 năm 3 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
53	MN Hoàng Tiến	Hoàng Thị Liên	01/05/1991	Giáo viên	8 năm 5 tháng	6 tháng	7 năm 11 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
54	MN Hoàng Tiến	Vũ Thị Vân	06/08/1989	Giáo viên	9 năm 8 tháng	6 tháng	9 năm 2 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023

Được quét bằng CamScanner

TT	Đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh hiện nay	Tổng thời gian tham gia BHXH bắt buộc là nhà giáo (tính đến hết 30/11/2023)	Thời gian tập sự	Thời gian tính phụ cấp thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng	Ghi chú
55	MN Hoàng Tiến	Nguyễn Thị Thùy Trang	01/08/1994	Giáo viên	7 năm 11 tháng	6 tháng	7 năm 5 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
56	MN Hoàng Tiến	Dương Thị Mận	27/12/1990	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
57	MN Hoàng Tiến	Nguyễn Thị Lan Hương	27/06/1988	Giáo viên	9 năm 4 tháng	6 tháng	8 năm 10 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
58	MN Hoàng Tiến	Nguyễn Thị Thoa	29/6/1993	Giáo viên	6 năm	9 tháng	5 năm 3 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
59	MN Hoàng Tiến	Nguyễn Thùy Ngân	10/07/1988	Giáo viên	12 năm 11 tháng	6 tháng	12 năm 5 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
60	MN Hoàng Tiến	Vũ Thị Linh	22/02/1992	Giáo viên	6 năm 4 tháng	6 tháng	5 năm 10 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
61	MN Tân Dân	Nguyễn Thị Anh	15/06/1986	Giáo viên	9 năm 7 tháng	6 tháng	9 năm 1 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
62	MN Tân Dân	Nguyễn Thị Yến	06/09/1990	Giáo viên	9 năm 7 tháng	6 tháng	9 năm 1 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
63	MN Tân Dân	Dương Thị Hà	02/02/1987	Giáo viên	7 năm 4 tháng	6 tháng	6 năm 10 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
64	MN Tân Dân	Đỗ Thị Nhung	26/9/1990	Giáo viên	10 năm 1 tháng	9 tháng	9 năm 4 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
65	MN Tân Dân	Phạm Thị Khánh Ly	07/06/1992	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
66	MN Tân Dân	Nguyễn Thị Thanh	02/04/1991	Giáo viên	6 năm 7 tháng	6 tháng	6 năm 1 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
67	MN Phả Lại	Nguyễn Thị Tiền	03/12/1992	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
68	MN Phả Lại	Dương Thị Trang	19/12/1991	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
69	MN Phả Lại	Nguyễn Thị Thúy	10/09/1990	Giáo viên	11 năm 3 tháng	6 tháng	10 năm 9 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
70	MN Phả Lại	Nguyễn Thị Thanh Lân	14/02/1993	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
71	MN Phả Lại	Đỗ Tuyết Nhung	07/12/1993	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
72	MN Phả Lại	Vũ Thị Hằng	22/05/1992	Giáo viên	10 năm 11 tháng	6 tháng	10 năm 5 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
73	MN Phả Lại	Nguyễn Thị Tuyết	04/11/1989	Giáo viên	9 năm 8 tháng	6 tháng	9 năm 2 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
74	MN Phả Lại	Nguyễn Thị Thủy	19/05/1987	Giáo viên	8 năm 9 tháng	6 tháng	8 năm 3 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023

Được quét bằng CamScanner

TT	Đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh hiện nay	Tổng thời gian tham gia BHXH bắt buộc là nhà giáo (tính đến hết 30/11/2023)	Thời gian tập sự	Thời gian tính phụ cấp thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng	Ghi chú
75	MN Phả Lại	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/10/1989	Giáo viên	13 năm 2 tháng	6 tháng	12 năm 8 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
76	MN Phả Lại	Bùi Thị Hồng Linh	15/07/1990	Giáo viên	10 năm 11 tháng	6 tháng	10 năm 5 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
77	MN Phả Lại	Nông Thị Hảo	12/12/1990	Giáo viên	11 năm 11 tháng	6 tháng	11 năm 5 tháng	11%	11% từ ngày 01/12/2023
78	MN Phả Lại	Trương Thị Bích	30/04/1991	Giáo viên	8 năm 11 tháng	6 tháng	8 năm 5 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
79	MN Phả Lại	Phạm Thị Đoài	15/06/1983	Giáo viên	9 năm 8 tháng	6 tháng	9 năm 2 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
80	MN Phả Lại	Nguyễn Thị Mai	19/10/1984	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
81	MN Phả Lại	Vũ Thị Thùy	07/05/1993	Giáo viên	8 năm 1 tháng	6 tháng	7 năm 7 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
82	MN Phả Lại	Nguyễn Thị Thùy	16/06/1985	Giáo viên	8 năm	6 tháng	7 năm 6 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
83	MN Phả Lại	Đào Thị Minh Xuyên	02/09/1982	Giáo viên	7 năm 3 tháng	6 tháng	6 năm 9 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
84	MN Phả Lại	Trần Thị Hoan	30/09/1982	Giáo viên	5 năm 11 tháng	6 tháng	5 năm 5 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
85	MN Phả Lại	Vũ Thị Thanh Dung	01/10/1993	Giáo viên	6 năm 3 tháng	6 tháng	5 năm 9 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
86	MN Phả Lại	Vũ Thị Minh Thu	04/03/1997	Giáo viên	6 năm 3 tháng	6 tháng	5 năm 9 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
87	MN Phả Lại	Nguyễn Thị Hằng	25/08/1995	Giáo viên	6 năm	6 tháng	5 năm 6 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
88	MN Phả Lại	Vũ Thị Phương Anh	10/09/1984	Giáo viên	6 năm 3 tháng	6 tháng	5 năm 9 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
89	MN Phả Lại	Nguyễn Thị Hương	04/07/1983	Giáo viên	6 năm 2 tháng	9 tháng	5 năm 5 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
90	MN Phả Lại	Nguyễn Thu Hà	04/09/1992	Giáo viên	6 năm 5 tháng	9 tháng	5 năm 8 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
91	MN Nhân Huệ	Bùi Thị Đào	16/08/1988	Giáo viên	10 năm 1 tháng	6 tháng	9 năm 7 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
92	MN Nhân Huệ	Phạm Thị Ngọc Anh	05/10/1987	Giáo viên	8 năm 11 tháng	6 tháng	8 năm 5 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
93	MN Nhân Huệ	Nguyễn Thị Thoa	17/12/1984	Giáo viên	5 năm 11 tháng	6 tháng	5 năm 5 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
94	MN Nhân Huệ	Nguyễn Thị Phương	13/03/1995	Giáo viên	6 năm 7 tháng	9 tháng	5 năm 10 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023

Được quét bằng CamScanner

TT	Đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh hiện nay	Tổng thời gian tham gia BHXH bắt buộc là nhà giáo (tính đến hết 30/11/2023)	Thời gian tập sự	Thời gian tính phụ cấp thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng	Ghi chú
95	MN Đồng Lạc	Lương Như Thuận	22/01/1989	Giáo viên	9 năm 4 tháng	6 tháng	8 năm 10 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
96	MN Đồng Lạc	Trần Thị Nga	23/11/1985	Giáo viên	8 năm 10 tháng	6 tháng	8 năm 4 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
97	MN Đồng Lạc	Lưu Thị Nhung	07/07/1987	Giáo viên	12 năm 7 tháng	6 tháng	12 năm 1 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
98	MN Đồng Lạc	Nguyễn Thị Uyên	18/10/1982	Giáo viên	12 năm 11 tháng	6 tháng	12 năm 5 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
99	MN Đồng Lạc	Dương Thị Bình	25/02/1991	Giáo viên	11 năm 9 tháng	6 tháng	11 năm 3 tháng	11%	11% từ ngày 01/12/2023
100	MN Đồng Lạc	Trần Thị Dung	27/05/1985	Giáo viên	13 năm 9 tháng	6 tháng	13 năm 3 tháng	13%	13% từ ngày 01/12/2023
101	MN Đồng Lạc	Nguyễn Việt Phương	30/10/1981	Giáo viên	12 năm 6 tháng	6 tháng	12 năm	12%	12% từ ngày 01/12/2023
102	MN Đồng Lạc	Nguyễn Thị Thủy	09/04/1992	Giáo viên	9 năm 1 tháng	6 tháng	8 năm 7 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
103	MN Đồng Lạc	Đinh Thị Vân	11/05/1986	Giáo viên	10 năm 2 tháng	6 tháng	9 năm 8 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
104	MN Đồng Lạc	Dương Thị Thu Huyền	02/04/1989	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
105	MN Đồng Lạc	Trần Thị Thủy	13/11/1992	Giáo viên	7 năm 2 tháng	9 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
106	MN Văn An	Nguyễn Thị Lụa	13/02/1990	Giáo viên	12 năm 7 tháng	6 tháng	12 năm 1 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
107	MN Văn An	Đỗ Thị Luyến	27/08/1990	Giáo viên	11 năm 11 tháng	6 tháng	11 năm 5 tháng	11%	11% từ ngày 01/12/2023
108	MN Văn An	Đỗ Phương Thảo	16/05/1990	Giáo viên	12 năm 9 tháng	6 tháng	12 năm 3 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
109	MN Văn An	Nguyễn Thị Yến	17/03/1990	Giáo viên	11 năm 7 tháng	6 tháng	11 năm 1 tháng	11%	11% từ ngày 01/12/2023
110	MN Văn An	Nguyễn Thị Toan	11/11/1989	Giáo viên	9 năm 10 tháng	6 tháng	9 năm 4 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
111	MN Văn An	Nguyễn Ngọc Ánh	26/10/1989	Giáo viên	7 năm 9 tháng	6 tháng	7 năm 3 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
112	MN Văn An	Nguyễn Thị Minh Lý	15/02/1993	Giáo viên	6 năm 6 tháng	9 tháng	5 năm 9 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
113	MN Văn An	Nguyễn Thị Yến	26/10/1989	Giáo viên	10 năm 9 tháng	6 tháng	10 năm 3 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
114	MN Văn An	Trần Thị Nhãn	11/06/1985	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023

Được quét bằng CamScanner

TT	Đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh hiện nay	Tổng thời gian tham gia BHXH bắt buộc là nhà giáo (tính đến hết 30/11/2023)	Thời gian tập sự	Thời gian tính phụ cấp thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng	Ghi chú
115	MN Văn An	Nguyễn Thị Hạnh	02/02/1994	Giáo viên	6 năm 3 tháng	6 tháng	5 năm 7 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
116	MN Văn An	Nguyễn Thị Hiền	18/03/1989	Giáo viên	6 năm 9 tháng	6 tháng	6 năm 3 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
117	MN Lê Lợi	Nguyễn Thị Tinh	10/10/1986	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
118	MN Lê Lợi	Hoàng Thị Trà Hương	02/07/1990	Giáo viên	12 năm 7 tháng	6 tháng	12 năm 1 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
119	MN Lê Lợi	Nguyễn Thị Dương	16/10/1987	Giáo viên	12 năm 11 tháng	6 tháng	12 năm 5 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
120	MN Lê Lợi	Lê Thị Chang	28/10/1990	Giáo viên	10 năm11 tháng	6 tháng	10 năm 5 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
121	MN Lê Lợi	Mai Thị Quỳnh Mai	23/12/1993	Giáo viên	8 năm 11 tháng	6 tháng	8 năm 5 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
122	MN Lê Lợi	Phạm Thị Thanh	20/10/1990	Giáo viên	12 năm 10 tháng	6 tháng	12 năm 4 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
123	MN Lê Lợi	Nguyễn Thị Hạnh	18/01/1985	Giáo viên	8 năm 8 tháng	6 tháng	8 năm 2 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
124	MN Lê Lợi	Dương Thị Chung	26/12/1991	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
125	MN Lê Lợi	Nguyễn Thị Nhị	22/05/1995	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
126	MN Lê Lợi	Nguyễn Thị Bình	25/03/1995	Giáo viên	6 năm 8 tháng	6 tháng	6 năm 2 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
127	MN Lê Lợi	Hoàng Thị Thuyết	17/11/1994	Giáo viên	6 năm 6 tháng	6 tháng	6 năm	6%	6% từ ngày 01/12/2023
128	MN Lê Lợi	Nguyễn Thị Nga	04/03/1992	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
129	MN Lê Lợi	Phạm Thị Thủy	03/02/1986	Giáo viên	5 năm 9 tháng	6 tháng	5 năm 3 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
130	MN Lê Lợi	Nguyễn Thị Vân Anh	18/09/1991	Giáo viên	6 năm	6 tháng	5 năm 6 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
131	MN Lê Lợi	Nguyễn Thị Loan	27/04/1990	Giáo viên	5 năm 10 tháng	6 tháng	5 năm 4 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
132	MN Sao Đỏ	Phạm Thị Thu Hương	08/07/1978	Giáo viên	19 năm 8 tháng	6 tháng	19 năm 2 tháng	19%	19% từ ngày 01/12/2023
133	MN Sao Đỏ	Bằng Thị Duyên	06/06/1990	Giáo viên	11 năm 3 tháng	6 tháng	10 năm 9 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
134	MN Sao Đỏ	Hoàng Thị Thảo	05/05/1993	Giáo viên	9 năm 2 tháng	6 tháng	8 năm 8 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023

Được quét bằng CamScanner

TT	Đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh hiện nay	Tổng thời gian tham gia BHXH bắt buộc là nhà giáo (tính đến hết 30/11/2023)	Thời gian tập sự	Thời gian tính phụ cấp thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng	Ghi chú
135	MN Sao Đỏ	Nguyễn Thị An	04/09/1989	Giáo viên	10 năm 11 tháng	6 tháng	10 năm 5 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
136	MN Sao Đỏ	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12/12/1989	Giáo viên	12 năm 3 tháng	6 tháng	11 năm 9 tháng	11%	11% từ ngày 01/12/2023
137	MN Sao Đỏ	Nguyễn Thị Thanh	25/10/1990	Giáo viên	12 năm 11 tháng	6 tháng	12 năm 5 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
138	MN Sao Đỏ	Vũ Thị Hồng Hạnh	11/06/1989	Giáo viên	12 năm 1 tháng	6 tháng	11 năm 7 tháng	11%	11% từ ngày 01/12/2023
139	MN Sao Đỏ	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	05/07/1990	Giáo viên	12 năm 7 tháng	6 tháng	12 năm 1 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
140	MN Sao Đỏ	Nguyễn Thị Thùy Anh	07/03/1992	Giáo viên	8 năm 3 tháng	6 tháng	7 năm 9 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
141	MN Sao Đỏ	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	30/11/1981	Giáo viên	8 năm 3 tháng	6 tháng	7 năm 9 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
142	MN Sao Đỏ	Trần Thị Vân	25/03/1993	Giáo viên	6 năm 8 tháng	6 tháng	6 năm 2 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
143	MN Sao Đỏ	Nguyễn Thị Phương Anh	13/09/1991	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
144	MN An Lạc	Vương Thị Thùy Nga	07/11/1978	Giáo viên	17 năm 11 tháng	6 tháng	17 năm 5 tháng	17%	17% từ ngày 01/12/2023
145	MN An Lạc	Lương Thị Dung	03/02/2023	Giáo viên	8 năm 11 tháng	6 tháng	8 năm 5 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
146	MN An Lạc	Dương Thị Liên	25/05/1990	Giáo viên	8 năm 11 tháng	6 tháng	8 năm 5 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
147	MN An Lạc	Nguyễn Thị Hằng	27/12/1986	Giáo viên	11 năm 1 tháng	6 tháng	10 năm 7 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
148	MN An Lạc	Nguyễn Thị Huệ	18/07/1993	Giáo viên	9 năm 1 tháng	6 tháng	8 năm 7 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
149	MN An Lạc	Nguyễn Thị Thu	02/04/1991	Giáo viên	8 năm 11 tháng	6 tháng	8 năm 5 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
150	MN An Lạc	Nguyễn Thị Loan	28/01/1988	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
151	MN An Lạc	Vũ Thị Giang	23/02/1992	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
152	MN An Lạc	Ninh Thị Chung	05/08/1987	Giáo viên	6 năm 7 tháng	6 tháng	6 năm 1 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
153	MN Bến Tắm	Bùi Bích Phương	02/09/1990	Giáo viên	11 năm	6 tháng	10 năm 6 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
154	MN Bến Tắm	Nguyễn Thị Thanh	22/12/1990	Giáo viên	11 năm 11 tháng	6 tháng	11 năm 5 tháng	11%	11% từ ngày 01/12/2023

Được quét bằng CamScanner

TT	Đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh hiện nay	Tổng thời gian tham gia BHXH bắt buộc là nhà giáo (tính đến hết 30/11/2023)	Thời gian tập sự	Thời gian tính phụ cấp thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng	Ghi chú
155	MN Bến Tắm	Nguyễn Thị Hồng Tươi	18/04/1985	Giáo viên	13 năm 9 tháng	6 tháng	13 năm 3 tháng	13%	13% từ ngày 01/12/2023
156	MN Bến Tắm	Đăng Thị Hà	26/9/1986	Giáo viên	11 năm	9 tháng	10 năm 3 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
157	MN Bến Tắm	Nguyễn Thị Hạnh	24/12/1991	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
158	MN Bến Tắm	Bùi Thị Hạnh	13/10/1993	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
159	MN Bến Tắm	Nguyễn Thị Duyên	26/9/1986	Giáo viên	5 năm 8 tháng	6 tháng	5 năm 2 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
160	MN Cộng Hòa	Hoàng Thị Hải Yến	14/10/1989	Giáo viên	12 năm 11 tháng	6 tháng	12 năm 5 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
161	MN Cộng Hòa	Đặng Thị Tiến	11/05/1989	Giáo viên	12 năm 11 tháng	6 tháng	12 năm 5 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
162	MN Cộng Hòa	Nguyễn Thị Loan	11/06/1989	Giáo viên	12 năm 11 tháng	6 tháng	12 năm 5 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
163	MN Cộng Hòa	Nguyễn Thị Thường	24/10/1983	Giáo viên	11 năm 11 tháng	6 tháng	11 năm 5 tháng	11%	11% từ ngày 01/12/2023
164	MN Cộng Hòa	Nguyễn Thị Hạnh	18/09/1986	Giáo viên	10 năm 11 tháng	6 tháng	10 năm 5 tháng	10%	10% từ ngày 01/12/2023
165	MN Cộng Hòa	Trần Thị Thanh Vân	06/04/1988	Giáo viên	9 năm 1 tháng	6 tháng	8 năm 7 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
166	MN Cộng Hòa	Nguyễn T Ánh Tuyết	23/09/1990	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
167	MN Cộng Hòa	Vũ Thị Mỹ	14/07/1993	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
168	MN Cộng Hòa	Nguyễn Thị Mai	08/07/1993	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
169	MN Cộng Hòa	Trịnh Thị Hà	25/11/1979	Giáo viên	10 năm 1 tháng	6 tháng	9 năm 7 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
170	MN Cộng Hòa	Trần Thị Giang	25/11/1993	Giáo viên	10 năm 1 tháng	6 tháng	9 năm 7 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
171	MN Cộng Hòa	Vương Thị Hà Trang	20/10/1992	Giáo viên	10 năm 1 tháng	6 tháng	9 năm 7 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
172	MN Cộng Hòa	Phạm Thị Hoà	18/11/1982	Giáo viên	9 năm 8 tháng	6 tháng	9 năm 2 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
173	MN Cộng Hòa	Tạ Thị Huế	18/03/1994	Giáo viên	8 năm 5 tháng	6 tháng	7 năm 11 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
174	MN Cộng Hòa	Lê Thị Thu	27/02/1985	Giáo viên	8 năm 6 tháng	6 tháng	8 năm	8%	8% từ ngày 01/12/2023

Được quét bằng CamScanner

TT	Đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh hiện nay	Tổng thời gian tham gia BHXH bắt buộc là nhà giáo (tính đến hết 30/11/2023)	Thời gian tập sự	Thời gian tính phụ cấp thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng	Ghi chú
175	MN Cộng Hòa	Nguyễn Thị Loan	15/11/1986	Giáo viên	7 năm 3 tháng	6 tháng	6 năm 9 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
176	MN Cộng Hòa	Nguyễn Thị Phương	11/06/1992	Giáo viên	7 năm 1 tháng	6 tháng	6 năm 9 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
177	MN Cộng Hòa	Nghiêm Thị Tâm	12/12/1982	Giáo viên	6 năm 11 tháng	6 tháng	6 năm 5 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
178	MN Cộng Hòa	Hoàng Thị Thúy	22/10/1991	Giáo viên	6 năm 5 tháng	6 tháng	5 năm 11 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
179	MN Cộng Hòa	Hoàng Thị Duyên	19/10/1990	Giáo viên	5 năm 10 tháng	6 tháng	5 năm 4 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
180	MN Cộng Hòa	Hoàng Thị Hương Vân	10/02/1989	Giáo viên	6 năm 8 tháng	9 tháng	5 năm 11 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
181	MN Cộng Hòa	Nguyễn Thị Hiền	07/08/1995	Giáo viên	7 năm 2 tháng	6 tháng	6 năm 8 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
182	MN Cộng Hòa	Lê Thị Vân Anh	28/06/1991	Giáo viên	8 năm 5 tháng	6 tháng	7 năm 11 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
183	MN Cộng Hòa	Nguyễn Thu Thủy	19/09/1995	Giáo viên	7 năm	6 tháng	6 năm 6 tháng	6%	6% từ ngày 01/12/2023
184	MN Bắc An	Tăng Thị Khanh	05/11/1987	Giáo viên	12 năm 11 tháng	6 tháng	12 năm 5 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
185	MN Bắc An	Phạm Thị Yến	14/07/1992	Giáo viên	9 năm 11 tháng	6 tháng	9 năm 5 tháng	9%	9% từ ngày 01/12/2023
186	MN Bắc An	Nguyễn Thị Gấm Oanh	11/08/1990	Giáo viên	9 năm 3 tháng	6 tháng	8 năm 9 tháng	8%	8% từ ngày 01/12/2023
187	MN Bắc An	Nguyễn Thị Nga	05/11/1988	Giáo viên	7 năm 11 tháng	6 tháng	7 năm 5 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023
188	MN Bắc An	Dương Thị Huyền	06/07/1995	Giáo viên	6 năm 3 tháng	6 tháng	5 năm 9 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
189	MN Bắc An	Nguyễn Thùy Liên	22/12/1993	Giáo viên	6 năm 3 tháng	6 tháng	5 năm 9 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
190	MN Bắc An	Vũ Thùy Ngân	02/07/1992	Giáo viên	6 năm 3 tháng	6 tháng	5 năm 9 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
191	MN Bắc An	Trần Thị Thắm	29/12/1996	Giáo viên	5 năm 8 tháng	6 tháng	5 năm 2 tháng	5%	5% từ ngày 01/12/2023
192	MN Bắc An	Lương Thu Huyền	22/08/1984	Giáo viên	12 năm 11 tháng	9 tháng	12 năm 2 tháng	12%	12% từ ngày 01/12/2023
193	MN Bắc An	Vũ Thị Thúy	20/12/1989	Giáo viên	8 năm 6 tháng	9 tháng	7 năm 9 tháng	7%	7% từ ngày 01/12/2023

Được quét bằng CamScanner